

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 530/2025/DS-PT
Ngày 11-8-2025
V/v tranh chấp về dân sự
hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Chí Tâm;

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước;

Ông Nguyễn Tấn Tạng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hoàng Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 382/2025/TLPT-DS ngày 14/7/2025, về việc “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 44/2025/DS-ST ngày 15/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 440/2025/QĐ-PT ngày 22/7/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp B, xã B, tỉnh Đồng Tháp).

- Bị đơn: Bà Lê Thị Ngọc G, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp B, xã B, tỉnh Đồng Tháp).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị Ngọc G: Ông Nguyễn Thanh T – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

Địa chỉ: Số A, đường N, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là số A, đường N, phường M, tỉnh Đồng Tháp).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp B, xã B, tỉnh Đồng Tháp).

Những người tham gia tố tụng khác:

- **Người làm chứng:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số D, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là số D, ấp B, xã B, tỉnh Đồng Tháp).

Người kháng cáo: Chị Lê Thị Ngọc G, anh Nguyễn Ngọc T1 là bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D trình bày:**

Vào ngày 12/9/2022, anh Nguyễn Ngọc T1 có vay của chị Nguyễn Thị Thùy D số tiền gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 150.000 đồng/tháng/10.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng từ ngày 12/9/2022 đến ngày 12/12/2022. Sau khi vay thì anh T1 không trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận cho chị D.

Đến ngày 30/11/2023, tại nhà vợ chồng anh Nguyễn Ngọc T1, chị Lê Thị Ngọc G, có mặt anh T1, chị G, chị D và mẹ chị D là bà Nguyễn Thị L, thì chị D và anh T1 đã tính tiền lãi của số tiền gốc 200.000.000 đồng là 39.000.000 đồng, nhưng chị D bớt 4.000.000 đồng, chỉ nhận tiền lãi 35.000.000 đồng và tiền gốc là 200.000.000 đồng, tổng cộng là 235.000.000 đồng. Sau khi tính tiền xong thì chị G có hỏi mượn lại của chị D số tiền 100.000.000 đồng để lo việc gia đình, thời hạn mượn là 02 tháng từ ngày 30/11/2023 đến ngày 31/01/2024, không thỏa thuận tính lãi. Việc chị G hỏi mượn chị D số tiền 100.000.000 đồng có mặt anh T1, chị G, chị D và bà L. Đến ngày 31/01/2024, chị G không trả tiền cho chị D như thỏa thuận, nên chị D có đơn yêu cầu hòa giải gửi ban N, xã B, huyện T. Vào ngày 19/10/2024, tại phiên hòa giải lần thứ nhất thì chị G thừa nhận: “Số tiền còn thiếu 100 triệu của bà Thùy D theo hợp đồng vay đã lập” và “xin có ý kiến về bàn lại với gia đình để tìm phương thức trả nợ”. Vào ngày 02/11/2024, tại phiên hòa giải lần thứ hai thì chị G đề nghị: “Số tiền còn thiếu bà D là 100 triệu thì trả mỗi tháng 1 triệu”; nhưng chị D không đồng ý.

Tại đơn khởi kiện, chị D yêu cầu chị G trả cho chị D số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 1,66%/tháng, tạm tính từ ngày 01/02/2024 đến ngày 30/11/2024 là: 10 tháng x 100.000.000 đồng x 1,66%/tháng = 16.667.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 116.667.000 đồng; yêu cầu tiếp tục tính lãi với lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 01/12/2024 cho đến ngày chị G trả xong nợ.

Tại phiên tòa, chị D thay đổi yêu cầu khởi kiện, nay chị D yêu cầu anh T1 và chị G liên đới trả tiền cho chị D số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 01/02/2024 đến ngày 15/5/2025 (tính tròn 14 tháng) là: 14 tháng x 100.000.000 đồng x 0,83%/tháng = 11.620.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 111.620.000 đồng.

- **Bị đơn chị Lê Thị Ngọc G trình bày:**

Vào ngày 30/11/2023, chị D và mẹ chị D là bà Nguyễn Thị L đến nhà của vợ chồng chị Lê Thị Ngọc G, anh Nguyễn Ngọc T1 để trao đổi về số tiền anh T1 còn nợ chị D. Do trước đây anh T1 có vay của chị D số tiền gốc là 200.000.000 đồng, chị G không biết anh T1 vay tiền vào thời gian nào, lãi suất như thế nào.

Đến ngày 30/11/2023, tại nhà chị G, anh T1, cùng có mặt chị G, anh T1, chị D và mẹ chị D thì chị Dương T2 tiền lãi là 137.000.000 đồng, nên anh T1 và chị G đã trả cho chị D số tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 37.000.000 đồng, còn thiếu lại tiền lãi là 100.000.000 đồng. Tuy nhiên chị D và mẹ chị D ép buộc chị G ký tên, ghi họ tên và lặn tay vào hợp đồng vay tiền ngày 30/11/2023 đối với số tiền lãi còn thiếu lại là 100.000.000 đồng. Vào ngày 19/10/2024 và ngày 02/11/2024, chị G đến Văn phòng N để hòa giải và đề nghị trả từ từ cho chị D số tiền lãi 100.000.000 đồng nhưng chị D không đồng ý.

Số tiền 100.000.000 đồng mà chị D yêu cầu trong vụ án là tiền lãi được tính với lãi suất vượt quá quy định đối với số tiền 200.000.000 đồng mà anh T1 đã vay của chị D. Đồng thời, chị G yêu cầu tính lại tiền lãi đối với số tiền 200.000.000 đồng, tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/11/2023 với lãi suất 1,66%/tháng, cụ thể $200.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 11 \text{ tháng} = 36.520.000 \text{ đồng}$. Chị G và A đã trả cho chị D số tiền lãi là 37.000.000 đồng, nên thống nhất trả cho chị D số tiền lãi là 37.000.000 đồng, mà không yêu cầu chị D trả lại số tiền chênh lệch là 480.000 đồng.

Nay chị G không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị D, lý do chị G không có nhận số tiền 100.000.000 đồng của chị D.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc T1 trình bày:

Vào tháng 9/2022, anh T1 có hỏi vay của chị D ba lần với các số tiền là 100.000.000 đồng, 30.000.000 đồng, 10.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/01 ngày/1.000.000 đồng, thời hạn vay không có thỏa thuận. Từ tháng 9/2022 đến tháng 12/2022, anh T1 không nhớ ngày cụ thể nào thì anh T1 có mang trả chị D số tiền lãi là 50.000.000 đồng, việc trả tiền chỉ có mặt anh T1 và chị D tại nơi chị D làm việc. Đến ngày 01/01/2023 thì anh T1 có làm giấy nhận nợ cho chị G số tiền gốc là 200.000.000 đồng, trong đó tiền gốc thực tế chỉ có 140.000.000 đồng, còn tiền lãi từ tháng 9/2022 đến ngày 01/01/2023 thì chị Dương T2 thành 60.000.000 đồng, tổng cộng là 200.000.000 đồng. Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/11/2023 do hoàn cảnh khó khăn nên anh T1 không trả được tiền lãi cho chị D. Việc anh T1 vay tiền là để tiêu xài cá nhân, ban đầu anh T1 không cho vợ là chị G hay, nhưng sau này thì anh Tuấn có nói cho chị G biết.

Đến ngày 30/11/2023, tại nhà của chị G, anh T1, cùng có mặt chị G, anh T1, chị D và mẹ chị D thì chị Dương T2 tiền lãi là 137.000.000 đồng, nên anh T1 và chị G đã trả cho chị D số tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 37.000.000 đồng, còn thiếu lại tiền lãi là 100.000.000 đồng. Tuy nhiên chị D và mẹ chị D ép buộc chị G ký tên, ghi họ tên và lặn tay vào hợp đồng vay tiền ngày 30/11/2023 đối với số tiền lãi còn thiếu lại là 100.000.000 đồng. Anh T3 xác định chị G không có vay tiền của chị D. Chị G đến Văn phòng Ban N vào ngày 19/10/2024 và ngày 02/11/2024 thì anh T3 đều biết, do chị G có nói lại cho anh T3 biết, nội dung: Chị G đề nghị trả từ từ số tiền lãi 100.000.000 đồng nhưng chị D không đồng ý. Anh T3 yêu cầu tính lại tiền lãi đối với số tiền 200.000.000 đồng, tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/11/2023 với lãi suất 1,66%/tháng, cụ thể $200.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 11 \text{ tháng} = 36.520.000 \text{ đồng}$. Chị G và anh T3 đã trả cho chị D số tiền lãi là 37.000.000 đồng, nên anh T3 thống nhất trả cho chị

D số tiền lãi là 37.000.000 đồng, mà không yêu cầu chị D trả lại số tiền chênh lệch là 480.000 đồng. Đối với số tiền lãi phát sinh trước ngày 01/01/2023 bao gồm số tiền anh T3 đưa trực tiếp cho chị D là 50.000.000 đồng và tiền lãi còn thiếu đã cộng vào nợ gốc là 60.000.000 đồng thì anh T3 không yêu cầu tính lại tiền lãi và không yêu cầu giải quyết trong vụ án.

Anh T3 không đồng ý việc chị D yêu cầu chị G trả nợ gốc và lãi cho chị D, do đây là nợ của anh T3. Tại phiên tòa, anh T3 tự nguyện trả nợ gốc và nợ lãi theo yêu cầu của chị D tổng cộng là 111.620.000 đồng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị Ngọc G là Luật sư Nguyễn Thanh T trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của chị D đối với chị G. Mặc dù có tài liệu, chứng cứ chứng minh chị G có ký tên, lăn tay vào hợp đồng vay tiền, có đến hòa giải tại Ban N, xã B về việc trả tiền, nhưng nguồn gốc nợ là của anh T3. Tại phiên tòa, chị T3 thừa nhận nợ là của anh T3 và anh T3 tự nguyện trả tiền gốc và nợ lãi theo yêu cầu của chị D tổng cộng là 111.620.000 đồng, nên chị G không có trách nhiệm trả nợ cho chị D.

Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2025/DS-ST ngày 15/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 – tỉnh Đồng Tháp) quyết định:

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy D.

Buộc chị Lê Thị Ngọc G và anh Nguyễn Ngọc T1 phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Thùy D số tiền vay gốc còn nợ là 100.000.000 đồng, tiền lãi là 11.620.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 111.620.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn chị Lê Thị Ngọc G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc T1 phải có trách nhiệm chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 5.581.000 đồng.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Thùy D toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.917.000 đồng theo biên lai số 0007110 ngày 27/11/2024 tại Chi cục Thi hành

án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự. Sau khi xét xử vụ án, chị G, anh T1 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận một phần nội dung khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chị G và anh T1 có trách nhiệm liên đới trả cho cho nguyên số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và số tiền lãi là 11.620.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm có mặt chị D, chị G, Luật sư T, anh T1, người làm chứng bà L. Các đương sự, Luật sư khẳng định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án giải quyết vụ án. Chị G, anh T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo là yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Tháp), không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D về nghĩa vụ liên đới.

- Luật sư T trình bày: Chị G có ký nhận nợ thay anh T1 số tiền 100.000.000 đồng nhưng do chị G không biết số nợ của anh T1 sử dụng vào mục đích gì, do đó là cá nhân anh T1 trả nợ. Riêng việc yêu cầu giám định chữ ký, dấu vân tay của chị G để làm rõ bản chất sự việc vì biên nhận chị D kiện theo lời chị G khác với biên nhận chị G ký nhận nợ.

- Chị G trình bày: Không có ý kiến gì bổ sung, thống nhất lời trình bày của Luật sư T.

- Anh T3 trình bày: Nợ này là nợ của cá nhân anh T3. Anh T3 vay tiền để thuê đất là ruộng và trả nợ do mùa Covid 19 kinh doanh bị thua lỗ. Nay số tiền tranh chấp và tiền lãi đã cao và là của cá nhân anh nên đề nghị cá nhân anh T3 đứng ra trả nợ cho chị D.

- Chị D trình bày: Không thống nhất theo yêu cầu kháng cáo của chị G, anh T3, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bà L trình bày: Ngày giao tiền cho chị D thì có mặt chị D, chị G, anh T3 và bà L. Khi đó anh T3, chị G có nhận được tiền đáo hạn từ Ngân hàng là 500.000.000 đồng, có thể trả hết số nợ cho chị D nhưng anh T3, chị G chỉ trả 135.000.000 đồng tiền gốc và lãi, có hỏi mượn lại 100.000.000 đồng và chị G viết biên nhận lại cho chị D, lí do chỉ cho chị G viết biên nhận mà không có anh T3 viết vì anh T3 mượn tiền nhưng hứa hẹn trả nợ nhiều lần nên mất uy tín với chị D.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng có mặt thực hiện đúng theo quy định về quyền và nghĩa vụ đương sự. Về nội dung giải quyết vụ án tranh chấp đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị G1, anh T3, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự thống nhất không có khiếu nại gì về thành phần những người tham gia tố tụng, những người tiến hành tố tụng.

[2] Xét về nội dung vụ án tranh chấp các đương sự Tòa án cấp sơ thẩm qua thu thập chứng cứ và diễn biến phiên tòa:

[2.1] Xét về nội dung khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D yêu cầu chị Lê Thị Ngọc G và anh Nguyễn Ngọc T1 chịu trách nhiệm liên đới trả cho chị D số tiền vay gốc còn nợ là 100.000.000 đồng; tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng đối với số tiền 100.000.000 đồng, tính từ ngày 01/02/2024 đến ngày 01/5/2025 (tính tròn 14 tháng) là: $0,83\%/tháng \times 100.000.000 = 11.620.000$ đồng, tổng cộng gốc và lãi là 111.620.000 đồng. Chị G không đồng ý trả tiền cho chị D, do số tiền chị D yêu cầu là tiền lãi của anh T1. Anh T3 tự nguyện trả nợ gốc và lãi theo yêu cầu của chị D. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị D là có lợi cho bị đơn về lãi suất và thời gian tính lãi; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T3 cũng tự nguyện trả tiền vay gốc và lãi theo yêu cầu của chị D; nên việc chị D thay đổi yêu cầu là phù hợp theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, nên chấp nhận.

[2.2] Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản. Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền ngày 30/11/2023, thể hiện chị D cho chị G vay số tiền gốc là 100.000.000 đồng; chị G xác định có ký tên, lăn tay vào hợp đồng vay tiền. Nội dung Hợp đồng vay tiền cho thấy tại thời điểm chị D cho chị G vay tiền thì các bên đều tự nguyện, có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch về việc cho vay tiền, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng vay tiền ngày 30/11/2023 giữa chị D và chị G là hợp pháp.

[2.3] Theo quy định Điều 466 Bộ luật dân sự quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì tại Hợp đồng vay tiền ngày 30/11/2023 có nội dung thỏa thuận thời hạn vay là 02 tháng kể từ ngày 30/11/2023 đến ngày 31/01/2024. Như vậy, hiện nay đã hết thời hạn vay tiền nhưng chị G không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã trả xong nợ cho bà D, nên chị G phải có trách nhiệm trả nợ cho chị D theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự nêu trên.

[2.4] Việc chị G không đồng ý trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng cho chị D với lý do đây là tiền lãi được tính với lãi suất vượt quá quy định đối với số tiền vay 200.000.000 đồng mà anh T3 đã vay của chị D trước đây. Anh T3 cũng đồng ý với ý kiến của chị G. Tuy nhiên, cả chị G và anh T3 đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho trình bày của mình. Còn chị D thì cung cấp được Hợp đồng vay tiền của anh T3 vào ngày 12/9/2022 đối với số tiền vay gốc 200.000.000 đồng; quá trình vay và tính lãi đến ngày 30/11/2023 là phù hợp với trình bày của chị D. Mặt khác, chị G đã đến Văn phòng Ban N vào ngày 19/10/2024 và ngày 02/11/2024 để hòa giải với chị D và đề nghị trả dần số tiền 100.000.000 đồng; như vậy, đã có đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh được cá nhân chị G vẫn thừa nhận trách nhiệm đối với số tiền vay gốc 100.000.000 đồng. Từ các phân tích nêu trên, có căn cứ để không chấp nhận trình bày của chị G và anh T3 về việc số tiền 100.000.000 đồng là tiền lãi. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị G vẫn không đồng ý trả nợ cho chị D; còn anh T3 thì tự nguyện chịu trách nhiệm trả nợ

gốc và lãi theo yêu cầu của chị D. Từ các phân tích nêu trên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án (Hợp đồng vay tiền ngày 30/11/2023, các biên bản hòa giải ở cơ sở) và các quy định pháp luật đã nêu, thì chị G và anh T3 phải có trách nhiệm liên đới trả tiền gốc và lãi cho chị D. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị D về việc yêu cầu chị G và anh T3 liên đới trả nợ gốc và lãi cho chị D; không chấp nhận trình bày của chị G và anh T3.

[2.5] Đối với yêu cầu trả tiền lãi của chị D: Tại Hợp đồng vay tiền ngày 30/11/2023 không xác định tiền lãi thỏa thuận. Tại đơn khởi kiện, chị D yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng (tương đương 20%/năm); mức lãi suất này là cao hơn quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên phải điều chỉnh phù hợp với quy định của pháp luật với mức tối đa là 10%/năm, tương ứng 0,83%/tháng. Nguyên đơn đã tự nguyện điều chỉnh và yêu cầu tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp, nên được chấp nhận. Chị D yêu cầu tính lãi từ ngày ngày 01/02/2024 đến ngày 01/5/2025 (tính tròn 14 tháng) là : $0,83\%/tháng \times 100.000.000 = 11.620.000$ đồng, việc tiền lãi được tính nêu trên là phù hợp quy định tại Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2.6] Từ các nhận định nêu trên và căn cứ vào quy định tại Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, buộc chị G và anh T3 liên đới trả cho chị D số tiền vay gốc còn nợ là 100.000.000 đồng, tiền lãi là 11.620.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 111.620.000 đồng là phù hợp.

Đồng thời căn cứ vào đây để quyết định án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm thì chị G, anh T3 kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D về nghĩa vụ liên đới và không cung cấp thêm chứng cứ gì mới. Ngoài ra không kháng cáo nội dung gì khác. Hội đồng xét xử phúc thẩm còn xét thấy chị G kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm có yêu cầu giám định chữ ký của chị G trong biên nhận nợ. Anh T3 kháng cáo yêu cầu chỉ cá nhân anh T3 trả nợ cho chị D do đây là số tiền lãi đã trả của số tiền 200.000.000 đồng anh vay của chị D. Tuy nhiên qua kiểm tra tại hồ sơ và phiên tòa, chị G đều thừa nhận số tiền nợ theo biên nhận, đã tham dự hòa giải tại địa phương 02 lần. Tại Tòa án cấp sơ thẩm đều thống nhất các chứng cứ của chị D đưa nhưng không đồng ý trả nợ vì nợ trước đây của anh T3. Lời khai của bà L chứng kiến sự việc trình bày phù hợp, thể hiện sự tự nguyện của chị G xác nhận nợ của chị D. Qua nhận định trên việc chị G đã thừa nhận nợ của chị D do đó không chấp nhận yêu cầu thực hiện việc trưng cầu giám định, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị G.

Đối với yêu cầu kháng cáo của anh T3 cho rằng nợ là của cá nhân anh T3 vay của chị D. Số tiền nợ anh T3 vay là để thuê đất làm ruộng, kinh tế gia đình. Chị G, anh T3 thừa nhận vẫn còn là vợ chồng, cả chị G, anh T3 đều biết số nợ này. Do đó không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T3.

[4] Xét quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị G là không phù hợp với quy định pháp luật, phân tích và nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Từ các nhận định trên nên không chấp nhận về nội dung tranh chấp theo yêu cầu kháng cáo của chị G, anh T3 là đúng theo quy định pháp luật.

[5] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị G, anh T3, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của chị G, anh T3 không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị Ngọc G và anh Nguyễn Ngọc T1.*

- *Giữ nguyên bản án sơ thẩm.*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy D.

Buộc chị Lê Thị Ngọc G và anh Nguyễn Ngọc T1 phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Thùy D số tiền vay gốc còn nợ là 100.000.000 đồng, tiền lãi là 11.620.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 111.620.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Lê Thị Ngọc G và anh Nguyễn Ngọc T1 phải có trách nhiệm chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 5.581.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Thùy D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Thùy D toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.917.000 đồng theo biên lai số 0007110 ngày 27/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Đồng Tháp).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Anh Nguyễn Ngọc T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006965 ngày 09/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Đồng Tháp).

- Chị Lê Thị Ngọc G phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm là 300.000

đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006966 ngày 09/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Đồng Tháp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Phòng TT, KT & THA;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực 11 - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Chí Tâm